TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS-PT
Ngày 03 - 11 - 2025
V/v "Tranh chấp di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", do Bản án số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4747/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Ông Lê Minh T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Đ3 N, xã N, tỉnh Ninh Bình (Địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); có mặt.

**** Bị đơn***: Ông Lê Nguyên M, sinh năm 1955; Địa chỉ: Đ3 N, xã N, tỉnh Ninh Bình (Địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Lê Trọng N, sinh năm 1950; địa chỉ: Phường T, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: T13 phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Ông Lê Tiến H, sinh năm 1951 (đã chết); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

2.1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1950; địa chỉ: X10, xã R, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2.2. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: X10, xã R, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2.3. Anh Lê Văn H2, sinh năm 1984; địa chỉ: X10, xã R, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2.4. Anh Lê Văn H3, sinh năm 1986; địa chỉ: X10, xã R, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1957; địa chỉ: Xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng N, có mặt.

4. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1946; địa chỉ: Xã L, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ cũ: T6, thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, có mặt.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Xã G, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: X6, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

6. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

7. Bà Đinh Thị H4, sinh năm 1943; địa chỉ: Phường Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Xóm V2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

8. Ông Lê Quang H5, sinh năm 1964; địa chỉ: Phường Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Xóm V2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

9. Anh Lê Văn H6, sinh năm 1973; địa chỉ: Phường Y, tỉnh N; địa chỉ cũ: Xóm V2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

10. Anh Lê Chí H7, sinh năm 1977; địa chỉ: Phường Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Xóm V2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

11. Anh Lê Nguyên G, sinh năm 1984; địa chỉ: Phường Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Xóm V2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà T1t, anh H5, bà H4, anh H6, anh H7, anh G: Ông Lê Nguyên M; có mặt.

12. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1932; địa chỉ: Xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

13. Chị Lê Nguyên N2, sinh năm 1995; địa chỉ: Xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

14. Anh Lê Nguyên Trọng Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cũ: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

15. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Sinh thời bố ông là cụ Lê Ngọc C, sinh năm 1917 và mẹ ông là cụ Lê Thị D, sinh năm 1921 sinh được 11 người con gồm: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1940 (đã chết năm 2010), bà Lê Thị M, sinh năm 1942 (là liệt sĩ), bà Lê Thị Đ, sinh năm 1944, ông Lê Trọng N, sinh năm 1950, ông Lê Tiến H, sinh năm 1952, ông Lê Trọng T (đã chết khi còn bé) ông Lê Nguyên M, sinh năm 1955, ông Lê Văn N1 sinh năm 1957, ông Lê Minh T, sinh năm 1959, bà Lê Thị L, sinh năm 1961 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1963. Ngoài ra, bố mẹ ông không còn bất kỳ còn có vợ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Ngày 11/09/1997 bố ông chết.

Ngày 24/12/2018 mẹ ông chết.

Cho đến khi chết, Bố mẹ ông không để lại di chúc; không để lại bất kỳ một nghĩa vụ về tài sản nào mà những người thừa kế di sản phải thực hiện.

Trong quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo dựng được thửa đất số 880, tờ bản đồ số 11 với diện tích 1.665 m2; trong đó đất ở 365m2, đất vườn 945m2, đất ao là 355m2. Trên thửa đất của bố mẹ ông, bố mẹ ông có xây dựng một ngôi nhà xây gạch tường, mái ngói và các công trình vệ sinh, bếp, cây cối.

Sau đó anh em nhà ông đã trưởng thành và xây dựng gia đình hết mỗi người ở một nơi.

Năm 2010 ông Lê Trọng H chết (Ông H lập gia dình và có 04 con là anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, Lê Chí H7 và Lê Trọng G).

Sau khi bố ông chết thì chỉ còn mẹ ông sống trên thửa đất và nên anh em ông không để ý đến thửa đất trên. Đến năm 2004 ông Lê Nguyên M mặc dù chưa được tất cả anh chị em trong gia đình ủy quyền nhưng ông đã tự ý đứng ra là thủ tục sang tên quyền sử dụng thửa đất của bố mẹ ông sang tên vợ chồng ông M là thửa

đất số 57 tờ bản đồ số 11 xã N. Sau đó anh em ông mới phát hiện ra và anh em đã xảy ra tranh chấp, nên anh em ông đã có đơn đến UBND xã N và xã đã tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 03/6/2021 ông M xác định bìa đỏ đứng tên ông là đúng nhưng do cán bộ địa chính làm lúc nào thì ông không biết nên buổi hòa giải không thành.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Nguyên M và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11 xã N của bố mẹ ông để lại theo quy định pháp luật.

***Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Nguyên M trình bày*:** Bố ông là cụ Lê Ngọc C sinh năm 1917 đã chết năm 1997, mẹ ông là cụ Lê Thị D, sinh năm 1921 đã chết năm 2018. Khi còn sống bố mẹ ông sinh được 11 người con trong đó có 07 trai và 04 gái như ông T đã trình bày. Bố mẹ ông là trưởng của một dòng họ lớn. Khi bố mẹ ông già yếu thì trách nhiệm đúng thuộc về anh trai cả là Lê Trọng H nhưng do ông H ở xa nên vợ chồng ông phải thay anh chị gánh vác nhiệm vụ đó từ năm 1997 đến nay. Vợ chồng ông là người ở và phục dưỡng cha mẹ.

Đối với đất thì trước đây bố mẹ ông có khuôn thổ rộng 1.610 m2. Năm 2004 do chính sách đất đai của nhà nước thửa đất của bố mẹ ông không có tranh chấp nên mẹ ông đã đồng ý chuyển quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng từ tháng 12/2004 thửa đất trên có bìa đỏ mang tên ông. Năm 2015 để thực hiện ước nguyện của bố ông vợ chồng ông đã bàn với mẹ hiến đất để làm từ đường họ. Khi kế hoạch bàn ra thì không ai có ý kiến gì. Mặc dù thửa đất mang tên vợ chồng ông nhưng vợ chồng ông cùng các anh chị em chia lại (có biên bản kèm theo) theo văn bản ngày 05/7/2015 đã ghi đến hết ngày 30/12/2015 ai có nhu cầu đất thì phải có ý kiến để vợ chồng ông lo thủ tục cho anh em, còn nếu bằng tiền thì hai năm vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm hoàn thành.

Hết ngày 30/12/2015 tất cả các anh em không ai có ý kiến gì về vấn đề đất đai, chỉ có ông H có khó khăn về tài chính nên vợ chồng ông bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng theo văn bản ngày 05/7/2015 để hỗ trợ gia đình và vợ chồng ông đã chuyển đủ số tiền 10.000.000 đồng cho ông H ngay thời điểm đó. Sau ít năm êm ả vào tháng 02/2021 vợ chồng ông lại bàn với anh em chú bác trong họ và ông tự nguyện làm đơn xin hiến đất để xây từ đường họ. Công việc vừa tiến hành được khoảng một tuần thì ông N và ông T lại gây khó khăn đòi chia lại đất trong thổ ông đang ở.

Sau đó UBND xã N đã hòa giải thì vợ chồng ông nhất trí để lại đất đai theo yêu cầu của các ông ấy để làm từ đường nhưng sau đó ông T và ông N lại thay đổi ý kiến. Vào ngày 22/7/2021 UBND xã hòa giải lần cuối nhưng không thành. Nay ông Lê Minh T hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và chia di

sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định pháp luật thì ông không nhất trí vì thửa đất trên do mẹ ông cho và đã mang tên ông vào năm 2004.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Lê Trọng N trình bày: Sinh thời bố ông là cụ Lê Ngọc C, sinh năm 1917, và mẹ ông là cụ Lê Thị D, sinh năm 1921 sinh được 11 người con như ông T đã trình bày. Ngoài ra, bố mẹ ông không còn bất kỳ còn có vợ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Ngày 11/09/1997 bố ông chết.

Ngày 24/12/2018 mẹ ông chết.

Cho đến khi chết, Bố mẹ ông không để lại di chúc; không để lại bất kỳ một nghĩa vụ về tài sản nào mà những người thừa kế di sản phải thực hiện.

Trong quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo dựng được thửa đất số 880, tờ bản đồ số 11 với diện tích 1.665 m2; trong đó đất ở 365m2, đất vườn 945m2, đất ao là 355m2. Trên thửa đất của bố mẹ ông, bố mẹ ông có xây dựng một ngôi nhà xây gạch tường, mái ngói và các công trình vệ sinh, bếp, cây cối.

Sau đó anh em nhà ông đã trưởng thành và xây dựng gia đình hết mỗi người ở một nơi. Năm 2002 ông M tự động phá rỡ căn nhà cũ của bố mẹ để làm nhà mới hiện đang sử dụng. Đến năm 2004 ông Lê Nguyên M mặc dù chưa được tất cả anh chị em trong gia đình ủy quyền nhưng ông đã tự ý đứng ra làm thủ tục sang tên quyền sử dụng thửa đất của bố mẹ ông sang tên vợ chồng ông M là thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11 xã N. Sau đó đến năm 2015 anh em ông mới phát hiện ra và anh em đã xảy ra tranh chấp và có mở cuộc họp gia đình nhưng không thành.

Sau đó anh em ông đã có đơn đến UBND xã N và xã đã tiến hành hòa giải cho anh em ông nhưng không thành. Nay ông T có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Nguyên M và chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định pháp luật thì ông nhất trí.

Ông Lê Tiến H trình bày: Ông là con của cụ C và cụ D. Nay ông có quan điểm như quan điểm của ông Lê Minh T về về giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị Đ trình bày: Bà là con của cụ C và cụ D. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2015 khi họp gia đình bà không có mặt ở nhà. Bà nghe mọi người nói lại khi họp mẹ bà cùng các anh em đã chia nhau mỗi người một ít. Nay ông T có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế thì bà chỉ mong anh em đoàn kết.

Anh Lê Quang H5 trình bày: Anh là con trai của ông Lê Trọng H, sinh năm 1943 chết năm 2010. Sinh thời, cụ Lê Ngọc C (chết năm 1997) và cụ Lê Thị D

(chết năm 2018) sinh được 11 người con như ông T trình bày. Trước khi chết cụ C và cụ D chung sống với ông Lê Nguyên M từ trước đến nay và được vợ chồng ông M chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi qua đời và có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Qua thời gian cho đến năm 2015 bà nội anh có thống nhất muốn giải quyết nội bộ trong gia đình sau đó có thống nhất phân chia nếu như ai có nhu cầu về ở thì ông M có trách nhiệm làm thủ tục sang tên đất cho một phần nhưng không ai có nhu cầu, riêng ông H do điều kiện kinh tế khó khăn nên có lấy tiền của ông M đưa luôn tại thời điểm đó. Nay anh có quan điểm vẫn giữ nguyên hiện trạng bìa đỏ mang tên ông Lê Nguyên M và bà Nguyễn Thị K. Mẹ con anh không có nhu cầu và để lại cho ông Lê Nguyên M toàn quyền sử dụng. Nếu có phải chia mẹ con anh cũng đề nghị giữ lại nhà mà ông M đang ở để làm nơi thờ cúng cho con cháu đi về.

Bà Đinh Thị H4 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Trọng H (đã chết năm 2010). Ông H là con trai của cụ Lê Ngọc C và cụ Lê Thị D.

Sinh thời cụ C và cụ D sinh được 11 người con trong đó ông H là con trai cả.

Trong thời gian chung sống với ông H giữa bà và ông H có 04 con chung gồm: anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Chí H7 và anh Lê Nguyên G.

Năm 1997 cụ C chết. Trước khi chết cụ C và cụ D ở cùng với ông Lê Nguyên M. Sau khi cụ C chết do nhà ở đã xuống cấp chật chội nên bà D đã nhất trí cho ông M xây dựng căn nhà mới trên đất của hai cụ và cụ D cũng ở cùng với vợ chồng ông M cho đến khi chết vào năm 2018. Trước khi cụ D chết vào năm 2015 cụ D có mở cuộc họp gia đình có mặt đầy đủ các anh em và thông qua biên bản về việc phân chia đất. Sau khi cụ D chết, vào năm 2021 thì ông T và ông M có xảy ra tranh chấp đất. Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Nguyên M và chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định pháp luật thì bà không nhất trí vì sổ đỏ đã cấp cho vợ chồng ông M bà K. Mặt khác, từ trước đến nay ông M bà K là người chăm sóc bố mẹ cho đến khi chết. Nếu phải chia di sản thừa kế mà bà được hưởng thì bà để hết lại cho ông Lê Nguyên M sử dụng thờ cúng tổ tiên.

Đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Chí H7 và anh Lê Nguyên G là ông Lê Nguyên M có quan điểm như ông đã trình bày.

Ông Lê Văn N1 trình bày: Bố ông là cụ Lê Ngọc C và mẹ ông là cụ Lê Thị D sinh được 11 người con như ông T đã trình bày. Trước đây bố mẹ ông có tạo dựng được thửa đất, sau đó vào năm 1978 bố mẹ ông có tách cho ông thửa đất 720 m2 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có ngõ đi sau nhà. Năm 1985 ông đã chuyển ngõ đi về phía trước. Năm 1986 ban ruộng đất đã cộng thêm cả ngõ đi cho vợ chồng ông nên diện tích thành 910 m2. Còn phần đất của bố mẹ còn lại 1.610 m2 hiện đang do ông M quản lý sử dụng. Phần đất này trước khi chết

bố mẹ ông không để lại di chúc nào cả. Nay ông T có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Nguyên M là thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11 xã Nghĩa Hải và chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định pháp luật thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị L trình bày: Bố bà là cụ Lê Ngọc C và mẹ ông là cụ Lê Thị D sinh được 11 người con như ông T đã trình bày. Đã chết ba người. Bà là con thứ 10 trong nhà. Bố mẹ bà có 7 sào đất. Vào khoảng năm 1990 bố mẹ bà cắt cho anh trai Lê Văn N1 2,5 sào đất. Hiện tại ông bà N1 đang ở trên mảnh đất đó đến nay. Diện tích đất còn lại 4,5 sào đất hiện bố mẹ bà đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyên M vào năm 2004 đến nay. Việc mẹ bà chuyển quyền 4,5 sào đất cho vợ chồng ông Lê Nguyên M là hoàn toàn hợp lý và hợp pháp. Vì vào thời điểm đó thửa đất trên không có tranh chấp hơn nữa vợ chồng ông M là người phụng dưỡng bố mẹ cho đến lúc qua đời. Do anh cả là ông Lê Trọng H ở xa bên Ninh Bình, vì vậy ông Lê Nguyên M phải thay anh chị cả mọi việc. Khuôn thổ một sào gia đình ông T đang ở cũng là do bố mẹ để lại cho và ở trên mảnh đất đó từ năm 1990 đến nay. Việc ông M đã đưa cho ông H 10.000.000 đồng là đúng sự thật. Nay ông T khởi kiện đến Tòa án về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mang tên ông M và chia di sản thừa kế thì bà không nhất trí vì thửa đất đó đã cấp sổ đỏ cho vợ chồng ông Lê Nguyên M. Nếu phải chia thì bà giao quyền sử dụng của bà cho ông Lê Nguyên M làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Bà Lê Thị T1 trình bày: Bố bà là cụ Lê Ngọc C và mẹ ông là cụ Lê Thị Dsinh được 11 người con như ông T đã trình bày gồm 4 gái, 7 trai. Đã chết ba người. Bà là con út trong nhà. Bố mẹ bà có 7 sào đất. Vào khoảng năm 1990 bố mẹ bà cắt cho anh trai Lê Văn N1 2,5 sào đất. Hiện tại ông bà N1 đang ở trên mảnh đất đó đến nay. Diện tích đất còn lại 4,5 sào đất hiện bố mẹ bà đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyên M vào năm 2004 đến nay. Việc mẹ bà chuyển quyền 4,5 sào đất cho vợ chồng ông Lê Nguyên M là hoàn toàn hợp lý và hợp pháp. Vì vào thời điểm đó thửa đất trên không có tranh chấp hơn nữa, vợ chồng ông M là người phụng dưỡng bố mẹ cho đến lúc qua đời. Do anh cả là ông Lê Trọng H ở xa bên Ninh Bình vì vậy ông Lê Nguyên M phải thay anh chị cả mọi việc. Khuôn thổ một sào gia đình ông T đang ở cũng là do bố mẹ để lại cho và ở trên mảnh đất đó từ năm 1990 đến nay. Việc ông M đã đưa cho ông H1 10.000.000 đồng là đúng sự thật. Nay ông T khởi kiện đến Tòa án thì bà không nhất trí vì thửa đất đó đã cấp sổ đỏ cho vợ chồng ông Lê Nguyên M bà Nguyễn Thị K. Nếu phải chia thì bà giao quyền sử dụng của bà cho ông Lê Nguyên M làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Chị Lê Nguyên N2 trình bày: Bố chị là ông Lê Nguyên M, mẹ chị là bà Nguyễn Thị K (mất năm 2022). Ông nội chị là ông Lê Ngọc C mất năm 1998, bà nội chị là cụ Lê Thị D, mất năm 2018. Kể từ khi sinh ra và lớn lên cùng sinh sống và ở cùng ông bà nội và bố mẹ tại xã N. Kể từ khi sinh ra và lớn lên đến nay không

ai có tranh chấp gì với đất bố mẹ chị đang ở. Nay ông T khởi kiện tranh chấp thì chị đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện N có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về hồ sơ 299 thể hiện:

Theo Bản đồ địa chính xã N lập năm 1986 ghi tên chủ sử dụng đất là ông C, thửa đất số 880, tờ bản đồ số 3, diện tích 1665 m2; trong đó đất ở (T) 365 m2, đất ao 355 m2, đất vườn 945 m2.

Theo sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b tại trang 84, số thứ tự 405 thì thửa đất ghi tên chủ sử dụng đất là ông Lê Văn C, thửa đất số 880, tờ bản đồ số 3, diện tích 935 m2; trong đó đất ở (T) 365 m2, đất ao 355 m2, đất vườn 215 m2.

Theo Bản đồ địa chính xã N lập năm 2004: Tại tờ bản đồ số 11, thửa đất số 57, ghi tên chủ sử dụng đất là ông M, diện tích 1610 m2; trong đó đất ở (T) 360 m2, đất ao 210 m2, đất vườn 1040 m2.

+ Quá trình cấp GCN QSD đất:

Hồ sơ xin cấp GCNQSD đất gồm: Đơn xin đăng ký GCNQSD đất của ông Lê Nguyên M, có xác nhận của UBND xã N, ghi nguồn gốc là đất chia tách của mẹ C. Đơn xin chia tách QSD đất ngày 5/6/2004 của bà Lê Thị C chia tách cho ông Lê Nguyên M cùng với vợ là bà Nguyễn Thị K diện tích 1610 m2; trong đó đất ở (T) 360 m2, đất ao 210 m2, đất vườn 1040 m2, có xác nhận của UBND xã N ngày 05/7/2004. Căn cứ các hồ sơ trên, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyên M cùng với vợ là bà Nguyễn Thị K diện tích 1610 m2; trong đó đất ở (T) 360 m2, đất ao 210 m2, đất vườn 1040 m2.

Như vậy ông Lê Nguyên M nhận chia tách QSD đất từ bà Lê Thị C và đã sử dụng đất ổn định từ năm 2004 đến nay, được UBND huyện cấp GCN QSD đất. Nay UBND huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định căn cứ các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện N đã làm việc với Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Cụ Lê Ngọc C (chết năm 1997) và cụ Lê Thị D (chết năm 2018) khi còn sống các cụ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đ3 N, xã N. Các cụ sinh được 11 người con, một người chết trẻ và một người liệt sỹ khi chưa xây dựng gia đình, còn lại tất cả đã trưởng thành. Khi ông Lê Nguyên M lấy vợ thì vợ chồng ông ở cùng các cụ hiện ông M đang ở trên thửa đất mà cụ C và cụ D khi còn sống đã tạo dựng lên.

Về nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp thể hiện: Tại hồ sơ 299 lập năm 1986 xã N thể hiện: Năm 1980 khi nhà nước có chính sách cấp đất cho các hộ gia đình trong cả nước. Năm 1983 xã N đo đạc thửa đất mang tên cụ D và cụ C (Bản đồ lập năm 1986). Năm 2004 thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Nam Định thì

xã N đã tiến hành đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình thì thửa đất số 880 năm 1986 chuyển thành thửa đất 57 với diện tích 1.610m2 mang tên M. Khi đo đạc và lập bản đồ là do tỉnh và huyện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ C đã chết chỉ còn cụ D, trong quá trình anh em con cháu cụ C không có tranh chấp nên thửa đất này được cấp mang tên ông Lê Nguyên M. Sau đó ông T đã có đơn khởi kiện ông M về việc trên và UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay địa phương có quan điểm đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 7 năm 2023 thể hiện:

Thửa đất có kích thước: phía Bắc giáp đường, Phía Nam giáp đường, phía Đông giáp đất nhà ông N1; phía Tây giáp đường. Có sơ đồ.

Về công trình xây dựng trên đất và thực trạng đang sử dụng gồm: 01 nhà ở mái ngói; 01 Gian thờ mái bằng bê tông cốt thép;01 sân mái tôn lạnh cột thép ống F76 vì kèo xà gồ thép; 01 sân bê tông đá 1x2 mặt làng vữa dày 3cm; 01 dại phi bờ rô xi măng nền bê tông; 01 bếp lợp ngói; 01 bếp lợp phi bờ rô xi măng; 01 nhà vệ sinh tường ốp lát, nền gát gạch men; 01 bể nước; 01 tường bao xây bi; 01 ngõ bê tông; 01 kho chứa đồ mái tôn nền lắng bê tông; 01 kè ao; 02 trụ cổng xây gạch; 01 cổng sát hộp; 01 tường rào bằng bê tông.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 06 tháng 7 năm 2023 thể hiện:

- Về giá trị quyền sử dụng thửa đất theo quyết định 46/2019/QĐ-UB ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định xác định giá trị tài sản thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11 xã N có giá: đất ở là 600.000đ/m2; đất ao 75.000đ/m2; đất vườn 75.000đ/m2. Về giá trị thị trường hiện tại xác định giá trị là 50.000.000đ/m mặt đường, tương đương 1.149.000đ/m2.

- Về giá trị các công trình xây dựng trên đất: căn cứ theo quyết định 62/2021/QĐ-UB ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định thì các công trình trên đất có giá như sau: 01 nhà ở mái ngói có giá 131.181.000 đồng; 01 Gian thờ mái bằng bê tông cốt thép 16.403.000 đồng; 01 sân mái tôn lạnh cột thép ống F76 vì kèo xà gồ thép 45.119.000 đồng; 01 sân bê tông đá 1x2 mặt làng vữa dày 3cm 9.504.000 đồng; 01 dại phi bờ rô xi măng nền bê tông 2.429.000 đồng; 01 bếp lợp ngói 26.541.000 đồng; 01 bếp lợp phi bờ rô xi măng 12.873.000 đồng; 01 nhà vệ sinh tường ốp lát, nền gát gạch men 10.564.000 đồng; 01 bể nước 5.116.000 đồng; 01 tường bao xây bi 6.763.000 đồng; 01 ngõ bê tông 2.131.000 đồng; 01 kho chứa đồ mái tôn nền lắng bê tông 5.101.000 đồng; kè ao 353.645.000 đồng; 02 trụ cổng xây gạch 1.393.000 đồng; 01 cổng sát hộp 9.600.000 đồng; 01 tường rào bằng bê tông 15.268.000 đồng.

Tại Bản án số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 624, 630, 643, 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100 và 167 Luật đất đai;

Căn cứ vào Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T, cụ thể:

1.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB do UBND huyện N cấp cho hộ ông Lê Nguyên M ngày 28/12/2004 đối với thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã Nghĩa Hải với diện tích 1.610 m2.

1.2. Xác nhận thửa đất 57 tờ bản đồ 11 xã N là tài sản chung và là di sản thừa kế của cụ Lê Ngọc C và cụ Lê Thị D.

1.3. Xác định Đơn xin chia tách quyền sử dụng đất của cụ Lê Thị D lập ngày 05/6/2004 hợp lệ một phần. Ông Lê Nguyên M được nhận sử dụng diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị D (phần trong khối tài sản chung và phần được hưởng thừa kế của cụ C).

1.4 Về phân chia di sản thừa kế của cụ C để lại như sau:

Chia cho ông Lê Nguyên M được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 1.288 m2 được giới hạn bởi các điểm (3, 4, B, C, F, G, M, K, 7, 8, 10, 3) thuộc thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã N (bao gồm diện tích đất của cụ D trong khối tài sản chung và các kỷ phần hưởng thừa kế của cụ C là: Cụ D, ông H, bà Đ, bà T, bà L, ông M). Trong đó 288 m2 đất ở, 832 m2 đất vườn, 168 m2 đất ao.

Chia cho ông Lê Văn N1 được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 80,5 m2 được giới hạn bởi các điểm (C, B, 5, A, 6, D, C) thuộc thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã N. Trong đó 18 m2 đất ở, 52 m2 đất vườn, 10,5 m2 đất ao.

Chia cho ông Lê Trọng N được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 80,5 m2 được giới hạn bởi các điểm (F, C, D, E, F) thuộc thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã N. Trong đó 18 m2 đất ở, 52 m2 đất vườn, 10,5 m2 đất ao.

Chia cho ông Lê Minh T được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 80,5 m2 được giới hạn bởi các điểm (G, F, E, H, G) thuộc thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã N. Trong đó 18 m2 đất ở, 52 m2 đất vườn, 10,5 m2 đất ao.

Chia cho ông Lê Tiến H được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 80,5 m2 được giới hạn bởi các điểm (M, G, H, K, M) thuộc thửa số 57 tờ bản đồ 11 xã N. Trong đó 18 m2 đất ở, 52 m2 đất vườn, 10,5 m2 đất ao.

Có sơ đồ kèm theo bản án.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Minh T và ông Lê Trọng N với nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm, việc án sơ thẩm cho rằng mẹ các ông đã cho ông Lê Nguyên M đất là không có chứng cứ thuyết phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh luận, ông Lê Minh T và ông Lê Trọng N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, ông N, đề nghị chia thừa kế đối với thửa đất của bố mẹ các ông cho 7 người gồm ông N, ông T, ông M, bà Đ, ông H, bà L, bà T1.

Ông Lê Nguyên M không nhất trí với kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T và của ông Lê Trọng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện công tố, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định là kháng cáo hợp pháp được chấp nhận để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người tham gia tố tụng nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện:

Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Minh T, ông Lê Trọng N:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất 57 tờ bản đồ 11 xã N diện tích 1.610m^2; địa chỉ thửa đất: Đ3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N đều thể hiện nguồn gốc thửa đất 57 tờ bản đồ 11 xã N diện tích 1.610 m^2 do vợ chồng cụ C và cụ D tạo lập lên. Do vậy, có căn cứ xác định thửa đất đang có tranh chấp là tài sản chung của cụ Lê Ngọc C và cụ Lê Thị D để lại. Ông T, ông N cho rằng thửa đất là của riêng cụ C, cụ D chỉ có một phần như các đồng thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

Do cụ C và cụ D là vợ chồng nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cụ C và cụ D, mỗi người có quyền sở hữu đối với một nửa tài sản chung của vợ chồng là thửa đất 57 tờ bản đồ 11 xã N diện tích 1.610 m^2 là 805 m^2. Do cụ C chết trước cụ D nên cụ D còn được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ C theo pháp luật quy định.

[3.2] Về quá trình sử dụng đất:

Sau khi cụ Lê Ngọc C chết thì ông Lê Nguyên M nhận chia tách quyền sử dụng đất từ cụ Lê Thị D và đã sử dụng đất ổn định từ năm 2004 đến nay, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004 thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Nguyên M với diện tích 1.610 m^2, số AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB ngày 28/12/2004.

[3.3] Về diện và hàng thừa kế:

Cụ C chết năm 1997 và cụ D chết năm 2018 không để lại di chúc nên việc chia thừa kế được thực hiện theo pháp luật quy định.

Cụ C và cụ D sinh được 11 người con gồm: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1940 (đã chết năm 2010), ông Lê Trọng T (chết khi chưa có gia đình), bà Lê Thị M, sinh năm 1942 (là liệt sĩ), bà Lê Thị Đ, sinh năm 1944, ông Lê Trọng N, sinh năm 1950, ông Lê Tiến H, sinh năm 1952, ông Lê Nguyên M, sinh năm 1955, ông Lê Văn N1 sinh năm 1957, ông Lê Minh T, sinh năm 1959, bà Lê Thị L, sinh năm 1961 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1963.

Ông Lê Trọng T và bà Lê Thị M khi chết không có gia đình và con, chết trước thời điểm mở thừa kế nên không được hưởng thừa kế.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Ngọc C gồm: Cụ Lê Thị D, ông Lê Trọng H, bà Lê Thị Đ, ông Lê Trọng N, ông Lê Tiến H, ông Lê Nguyên M, ông Lê Văn N1 ông Lê Minh T, bà Lê Thị L và bà Lê Thị T1.

Ông Lê Trọng H kết hôn với bà Đinh Thị H4 và sinh được 04 con chung gồm: Anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Trí H7 và anh Lê Nguyên G. Năm 2010 ông Lê Trọng H chết không để lại di chúc. Vì vậy, người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Trọng H gồm: Bà Đinh Thị H4, anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Trí H7 và anh Lê Nguyên G.

Người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị D gồm: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Trọng N, ông Lê Tiến H, ông Lê Nguyên M, ông Lê Văn N1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị L và bà Lê Thị T1 và những người thừa kế thế vị của ông Lê Trọng H (anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Trí H7, anh Lê Nguyên G).

[3.4] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB ngày 28/12/2004 của UBND huyện N cấp cho vợ hộ ông Lê Nguyên M:

Thửa đất số 57 tờ bản đồ 11 xã N diện tích 1.610 m^2, tại X3 N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có nguồn gốc do vợ chồng cụ Lê Ngọc C và cụ Lê Thị D tạo dựng lên.

Thửa đất trên cụ Lê Thị D đã làm thủ tục kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M. Đến năm 2004 ông M có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Ngày 28/12/2004 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB cho ông M là thửa đất số 57 tờ bản đồ 11 xã N diện tích 1.610 m^2. Trong đó, đất ở là 360 m^2, đất vườn 1.040 m^2, đất ao 210 m^2.

Khi cụ D và ông M làm thủ tục kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Lê Nguyên M mà không có văn bản cho tặng, chuyển nhượng hay di chúc của cụ Lê Ngọc C cũng như không có biên bản họp phân chia di sản của những người thừa kế của cụ C là không đúng quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên số AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB cho hộ ông Lê Nguyên M là không đúng quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 673788, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00 288/1031/2004/QĐ-UB cho hộ ông Lê Nguyên M là có căn cứ.

[3.5] Đối với hiệu lực của đơn xin chia tách quyền sử dụng đất lập ngày 05/6/2004:

Căn cứ các tài liệu thu thập được thấy rằng Đơn xin chia tách quyền sử dụng đất lập ngày 05/6/2004 có điểm chỉ của cụ Lê Thị C (tức D) tại thời điểm này cụ D còn minh mẫn, có chữ ký của cơ sở xóm xác nhận và được Ủy ban nhân xã N xác nhận vào ngày 05/7/2004. Việc cụ D đã định đoạt cả khối tài sản chung của cụ C và cụ D cho ông M là không hợp pháp, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ D đã thể hiện ý chí của mình về việc tặng cho phần tài sản của cụ D cho ông M là có căn cứ, nên xác định cụ D khi chết không còn di sản để lại thừa kế là đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông T và ông N yêu cầu chia đều thửa đất của bố mẹ cho 7 người là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xác định di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật của các đương sự.

Như đã phân tích ở trên thì di sản thừa kế của cụ D không còn, cụ C chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ C là quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất số 57 tờ bản đồ 11 xã N (1.610 m^2 : 2 = 805 m^2) được chia theo pháp luật cho cụ D và 09 người con là ông Lê Trọng H, bà Lê Thị Đ, ông Lê Trọng N, ông Lê Tiến H, ông Lê Nguyên M, ông Lê Văn N1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị L và bà Lê Thị T1 nên mỗi người thừa kế được hưởng 805 m^2: 10 = 80,5 m^2. Thửa đất này có các loại đất (đất ở, đất vườn, đất ao), nên khi chia thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm chia theo tỷ lệ từng loại đất là phù hợp. Như vậy, trong 80,5 m^2 đất thì có 18 m^2 đất ở, 52 m^2 đất vườn, 10,5 m^2 đất ao.

Người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Trọng H gồm bà Đinh Thị H4, anh Lê Quang H5, anh Lê Văn H6, anh Lê Chí H7, anh Lê Nguyên G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị T1 đều có quan điểm nếu được hưởng di sản thửa kế thì sẽ để lại cho ông Lê Nguyên M quản lý sử dụng nên ông M được hưởng 06 phần thừa kế của cụ C để lại (gồm

kỷ phần của cụ D, ông H, bà Đ, bà L, bà T1 và ông M) tương đương với 80,5 m^2 x 6 = 483 m^2. Như vậy, ông M được sử dụng diện tích đất của cụ D trong khối tài sản chung là 805m^2 và 483m^2 của các kỷ phần thừa kế cụ C. Tổng cộng là 1.288m^2 đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định vợ chồng ông Lê Nguyên M sống trên thửa đất cùng với cụ Lê Thị D từ năm 1997. Vợ chồng ông M xây dựng các công trình trên đất và tôn tạo thửa đất trên sử dụng đến nay. Căn cứ thực trạng, nhu cầu sử dụng đất của các đương sự và công sức trong việc duy trì, tôn tạo đất. Hơn nữa do các hàng thừa kế gồm: bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị L, bà Lê Thị T1, anh Lê Quang H5, bà Đinh Thị H4, anh Lê Chí H7, anh Lê Xuân H6 và anh Lê Nguyên G đều thống nhất nếu được hưởng di sản thừa kế của cụ C để lại thì sẽ giao cho ông M trực tiếp quản lý sử dụng làm nơi thờ cúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông M phần diện tích đất có ngôi nhà và các công trình mà vợ chồng ông M đã xây dựng là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 8 của Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, quy định về diện tích đất ở tối thiểu của thửa đất sau khi tách là 80m^2 và một cạnh tối thiểu là 4m và chia bằng hiện vật cho ông N1, ông N, ông T và ông H mỗi người được hưởng 80,5m^2 theo chiều mặt đường là 4m, dài 20,125m là có căn cứ (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M có ý kiến trả lại những người giao cho ông sử dụng phần quyền sử dụng đất họ được hưởng khi chia di sản thừa kế, ông M và các đương sự không có kháng cáo nên hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự vẫn có quyền tự định đoạt, tự thỏa thuận giải quyết sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Lê Văn N1 và người thừa kế của ông Lê Tiến H có đơn từ chối nhận di sản nhưng không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự vẫn có quyền tự định đoạt cho ai sử dụng phần di sản mà án sơ thẩm đã chia sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các loại tài sản trên đất: Ngôi nhà và các công trình đi kèm do vợ chồng M tạo lập không thuộc di sản thừa kế và toàn bộ tài sản này nằm trên phần diện tích đất giao cho ông M sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Các đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông Lê Minh T là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu của đương sự và giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (Lê Minh T), kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Lê Trọng N) và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do ông Lê Minh T và ông Lê Trọng N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T và kháng cáo của ông Lê Trọng N, giữ nguyên quyết định của Bản án số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Minh T và ông Lê Trọng Nhuận.

3. Các quyết định khác của Bản án số 20/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng